

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM DƯƠNG  
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST

Ngày 06 - 8 - 2024

"V/v: Tranh chấp về tài sản  
chung và thừa kế tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Trần Thị Kim Duyên và bà Kiều Thị Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:** Ông Phan Anh - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-DS ngày 12/3/2024 về việc "tranh chấp tài sản chung và tài sản thừa kế". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Cụ Trần Thị X, sinh năm 1931; địa chỉ cư trú: TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tô Thị T1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Tô Văn D, sinh năm 1952 (có mặt);

2.2. Ông Tô Văn T, sinh năm 1968 (có mặt).

Đều có địa chỉ: TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Tô Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Bông, thị trấn Kim Long, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3.2. Ông Tô Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

3.3. Bà Tô Thị T2, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1 trình bày: Bố mẹ bà là cụ Tô Văn H, sinh năm 1928 (chết năm 2013), cụ Trần Thị X, sinh năm 1931. Hai cụ sinh được 06 người con gồm: Tô Văn D, sinh năm 1952; Tô Văn H, sinh năm 1961; Tô Văn H, sinh năm 1964 (hy sinh năm 1984 chưa có vợ, con), Tô Văn T, sinh năm 1968; Tô Thị T1, sinh năm 1971 và Tô Thị T2, sinh năm 1974. Ngoài 06 người con trên thì các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ cụ H đều đã chết.*

Nguồn gốc thửa đất số 88, tờ bản đồ 9 diện tích 1.615m<sup>2</sup>(300m<sup>2</sup> đất ở, 1.315m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc (thửa số 88) là của cụ Tô Văn T và cụ bà là Lê Thị T (đều đã chết từ trước những năm 1972) cho cụ H và cụ X. Năm 2003 diện tích đất trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số phát hành X469515, số vào sổ 02590/QSDĐ/1554/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Tam Dương cấp ngày 18/11/2003 đứng tên hộ ông Tô Văn H. Thời điểm cấp GCNQSDĐ trong hộ gia đình có cụ H, cụ X, bà, bà T2 và vợ chồng ông T, bà Vũ Thị P và con ông Thuận là cháu Tô Thị C. Tuy nhiên, đất ở và đất trồng cây lâu năm là tài sản của riêng cụ H và cụ X, không phải là tài sản chung của hộ gia đình. Trong GCNQSDĐ nêu trên còn chứng nhận 2.068m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (trong đó của 5 nhân khẩu, mỗi khẩu là 01 sào 01 thước là 384m<sup>2</sup> gồm của cụ X, cụ H, bà, ông T và bà T2 và một suất của liệt sĩ H là 08 thước, phần của ông H giao cho cụ H và cụ X sử dụng). Vì chứng nhận quyền sử dụng đất gồm cả đất ở và đất nông nghiệp trồng cây hàng năm nên GCNQSDĐ ghi là hộ ông Tô Văn H. Trên thửa đất số 88 khoảng năm 1972,1973 cụ H và cụ X làm nhà 5 gian xây gạch, lợp ngói. Năm 2013 cụ H chết không để lại di chúc, cụ X là người đứng ra lo tang lễ của cụ H, cụ H không để lại nghĩa vụ gì. Toàn bộ diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm và tài sản trên thửa đất số 88 do cụ X quản lý gồm nhà 5 gian, công trình phụ và cây cối trên đất. Sau khi cụ H chết, năm 2014 cụ X có nguyện vọng chia thửa đất số 88 cho cụ X và các con nhưng ông T và ông D không đồng ý nên gia đình xảy ra mâu thuẫn. Theo kết quả đo đạc thực trạng thì thửa đất số 88 có diện tích là 2285,8m<sup>2</sup>. Diện tích lớn hơn so với diện tích trong GCNQSDĐ nhưng diện tích đất đã có tường bao để phân định ranh giới và có khuôn viên rõ ràng, hình thể thửa đất không thay đổi so với trước kia, người sử dụng đất không tranh chấp về mốc giới với các hộ liền kề, không lấn chiếm đất của tập thể, diện tích chênh lên là do sai số khi đo đạc. Cụ X khởi kiện đề nghị chia tài sản chung của cụ H và cụ X, cụ thể chia cho cụ X ½ diện tích đất là 1.142,9m<sup>2</sup> (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở và 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) ở vị trí giáp đường phía có lối cổng và phần cuối thửa đất phía giáp đất ruộng là diện tích

đất S1 trong sơ đồ. Còn 1.142,9m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ H. Cụ X từ chối nhận di sản nên đề nghị chia theo pháp luật cho các đồng thừa kế còn lại, chia đều 5 người con là ông D, ông T, ông H, bà, bà T2 mỗi người 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Vị trí chia cụ thể theo sơ đồ và theo chiều bám mặt đường tính từ vị trí đất chia cho cụ X vào trong phía giáp đất hộ ông T. Theo đó chia cho bà diện tích đất S2, chia cho bà T2 diện tích đất S3, chia cho ông H diện tích đất S4, chia cho ông T diện tích đất S5, chia cho ông D diện tích đất S6. Các diện tích đất chia nếu cắt vào ngôi nhà cấp bốn hay công trình nào khác mà không đảm bảo giá trị sử dụng của các công trình trên đất thì cụ X cũng đồng ý khi người được chia đất có yêu cầu cụ X sẽ có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên diện tích đất chia cho bà T2, bà, ông H, ông T, ông D là diện tích đất S2,S3,S4,S5,S6. Ai được chia vào phần tài sản nào bao gồm cây cối lâm lộc và công trình trên đất thì được sử dụng tài sản đó, không yêu cầu đưa cụ thể các tài sản trên đất vào phân chia và không yêu cầu bồi thường gì đối với các tài sản trên đất.

Ngoài ra cụ H và cụ X còn có một thửa số 87 tờ bản đồ số 09 diện tích là 180m<sup>2</sup> được thể hiện trong sổ mục kê là đất ao và các diện tích đất nông nghiệp được thể hiện trong GCNQSDĐ nhưng các tài sản này cụ X không đề nghị chia trong vụ án này.

Bà với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ X và đồng ý với cách chia thừa kế mà cụ X đề nghị.

Về chi phí tố tụng: Bà đại diện cho cụ X đề nghị cụ X chịu toàn bộ chi phí tố tụng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Cụ X là người cao tuổi đã làm đơn đề nghị miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho cụ X.

*Bị đơn Tô Văn D trình bày:* Ông xác nhận lời trình bày của bà T1 về nguồn gốc thửa đất, về các thành viên trong gia đình và quá trình sử dụng đất. Thửa đất số 88 là tài sản chung của cụ Tô Văn H và cụ Trần Thị X. Ông không có tranh chấp gì với cụ X. Tuy nhiên, nguyện vọng của ông và ông T là không muốn chia đất để sau này dùng thửa đất số 88 làm nơi thờ cúng các cụ. Nếu cụ X vẫn đề nghị chia ông cũng phải chấp nhận và nhận phần được cụ X chia. Ông là người cao tuổi đã làm đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông.

*Bị đơn ông Tô Văn T trình bày:* Ông xác nhận lời trình bày của bà T1 về nguồn gốc thửa đất, về các thành viên trong gia đình và quá trình sử dụng đất, việc cấp GCNQSDĐ. Thời điểm cấp GCNQSDĐ vợ chồng ông và cháu C con ông có tên trong sổ hộ khẩu, nhưng thửa đất số 88 là tài sản chung của cụ Tô Văn H và cụ Trần Thị X, không phải là tài sản chung của cả hộ gia đình. Ông không có tranh chấp gì

với cụ X. Tuy nhiên, nguyện vọng của ông và ông D là không muốn chia đất để sau này dùng thửa đất số 88 làm nơi thờ cúng các cụ. Nếu cụ X vẫn đề nghị chia ông cũng phải chấp nhận và nhận phần được cụ X chia.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn H trình bày:* Ông xác nhận toàn bộ lời trình bày của bà T1 đại diện cho cụ X đã trình bày nêu trên, và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ X, đồng ý nhận tài sản thừa kế của cụ H theo vị trí chia mà bà T1 đại diện cho cụ X đã trình bày nêu trên. Ông không bổ sung thêm nội dung gì. Ông là người cao tuổi đã làm đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2024 bà T2 trình bày:* Bố mẹ bà là cụ Tô Văn H, sinh năm 1928 (chết năm 2013) và cụ Trần Thị X, sinh năm 1931. Hai cụ sinh được 06 người con gồm: Tô Văn D, sinh năm 1958; Tô Văn H, sinh năm 1961; Tô Văn H, sinh năm 1964 (hy sinh năm 1984 chưa có vợ, con), Tô Văn T, sinh năm 1968; Tô Thị T1, sinh năm 1971 và bà là Tô Thị T2, sinh năm 1974. Ngoài 06 người con trên thì các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác.

Nguồn gốc thửa đất số 88 là của cụ Tô Văn T và cụ bà là Lê Thị T (đều đã chết từ trước những năm 1972) cho cụ H và cụ X. Năm 2003 diện tích đất trên được cấp GCNQSDĐ số phát hành X469515, số vào sổ 02590/QSDĐ/ 1554/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện Tam Dương cấp ngày 18/11/2003 đứng tên hộ ông Tô Văn H. Thời điểm cấp GCNQSDĐ trong hộ gia đình có cụ H, cụ X, bà và vợ chồng ông T, bà Vũ Thị P và con ông T là cháu Tô Thị C. Tuy nhiên, đất ở và đất trồng cây lâu năm là tài sản của riêng cụ H và cụ X, không phải là tài sản chung của hộ gia đình. Trong GCNQSDĐ nêu trên còn chứng nhận 2.068m<sup>2</sup> đất nông nghiệp ( trong đó của 5 nhân khẩu, mỗi khẩu là 01 sào 01 thước là 384m<sup>2</sup> gồm của cụ X, cụ H, bà, ông T và bà T1 và một suất của liệt sĩ H là 08 thước, phần của ông H giao cho cụ H và cụ X sử dụng). Vì chứng nhận quyền sử dụng đất gồm cả đất ở và đất nông nghiệp trồng cây hàng năm nên GCNQSDĐ ghi là hộ ông Tô Văn H. Trên thửa đất số 88 khoảng năm 1972, 1973 cụ H và cụ X làm nhà 5 gian xây gạch, lợp ngói và một số công trình phụ khác cùng cây cối trên đất. Năm 2013 cụ H chết không để lại di chúc, cụ X là người đứng ra lo tang lễ, cụ H không để lại nghĩa vụ gì. Toàn bộ diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm và tài sản trên đất do cụ X quản lý gồm nhà 5 gian, công trình phụ và cây cối trên đất. Sau khi cụ H chết, năm 2014 cụ X có nguyện vọng chia thửa đất số 88 cho cụ X và các con nhưng ông T và ông D không đồng ý nên gia đình xảy ra mâu thuẫn. Nay cụ X khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương tài sản chung của cụ H và cụ X và chia tài sản thừa kế của cụ H. Cụ thể, chia cho cụ X

½ diện tích đất, còn ½ là di sản thừa kế của cụ H. Đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế là chia đều 5 người con của cụ H và cụ X là Tô Văn D, Tô Văn H, Tô Văn T, Tô Thị T1 và Tô Thị T2. Riêng cụ X từ chối nhận di sản thừa kế. Bà với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của cụ X và đồng ý với cách chia thừa kế mà cụ X đề nghị.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đều chấp hành quy định của pháp luật;

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612,613,649,650,651,660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xác nhận tài sản chung của cụ Tô Văn H và cụ Trần Thị X là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 09 có diện tích đo đạc thực tế là 2.285,8m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 1.985,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) địa chỉ thửa đất ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị X về chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản. Cụ thể:

2.1.Chia tài sản chung cho cụ Trần X 1.142,9m<sup>2</sup> ( trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở và 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S1 được xác định bởi các mốc giới: 3A,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,22A,3F,3E,3D,3C,3B,3A

2.2.Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho bà Tô Thị T1 diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S2.Được xác định bởi các mốc giới:22A,3F,3E,23,22B,22A.

2.3.Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho bà Tô Thị T2 diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S3. Được xác định bởi các mốc giới: 23,3E,3D,23A,23.

2.4.Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn H diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S4. Được xác định bởi các mốc giới:23A,3D,3C,24A,24,23A.

2.5.Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn T diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S5. Được xác định bởi các mốc giới: 24A,3C,3B,25A,25,24A.

2.6.Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn D diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S6. Được xác định bởi các mốc giới: 25A,3B,3A,3,2,1,25A.

Người được chia đất được tiếp tục sử dụng tài sản và cây cối lâm lộc trên đất được chia. Trong trường hợp trên các diện tích đất S2, S3, S4,S5,S6 có tài sản nhưng sau khi chia tài sản trên đất không đảm bảo giá trị sử dụng, khi người được chia đất là bà T1, bà T2, ông H, ông T, ông D có yêu cầu thì cụ Trần Thị X có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên diện tích đất S2, S3, S4,S5,S6.

Các diện tích đất được chia là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng kí để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Cụ X đề nghị chịu toàn bộ không đề nghị Tòa án giải quyết

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt bà T2 và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Thành.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền và thời hiệu giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị chia tài sản chung và tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H chết năm 2013 là thửa đất số 88 nên đây là “Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản”, bị đơn và thửa đất tranh chấp có địa chỉ cư trú tại TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc, nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các điều 623, 688 Bộ luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về diện tích đất tranh chấp:

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: Thửa đất số 88 ( theo bản đồ 299) đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Tô Văn H, có diện tích theo GCNQSDĐ là 1.615m<sup>2</sup> (trong đó 300m<sup>2</sup> đất ở, 1.315m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), diện tích đo đạc thực tế là 2.285,8m<sup>2</sup>. Còn theo bản đồ VN 2000 là thửa số 58, tờ bản đồ số 30.Diện tích thực tế chênh lên so với diện tích trong GCNQSDĐ.Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ xác định được hình thể thửa đất không thay đổi, thửa đất đã

có khuôn viên riêng, người sử dụng đất không tranh chấp về mốc giới với hộ liền kề, không lấn chiếm đất của tập thể, diện tích chênh lên vẫn nằm trong khuôn viên thửa đất mà cụ H và cụ X sử dụng, diện tích chênh lên là do sai số khi đo đạc. Nên xác định thửa đất số 88 có diện tích là 2.285,8m<sup>2</sup> là tài sản chung của cụ H và cụ X. Điều 29 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng: “1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.”. Do vậy, cụ H và cụ X mỗi người được hưởng ½ thửa đất số 88 là 1.142,9m<sup>2</sup> (trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở và 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm).

Cụ H chết năm 2013 nên ½ thửa đất số 88 là của cụ X, còn ½ thửa đất là tài sản thừa kế của cụ H. Cụ H chết không để lại di chúc. Cụ X đề nghị chia tài sản chung và chia thừa kế là có căn cứ nên cần chia cho cụ X ½ thửa đất có diện tích là 1.142,9m<sup>2</sup> ( trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở, 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Tài sản thừa kế của cụ H là 1.142,9m<sup>2</sup> (trong đó có 150m<sup>2</sup> đất ở và 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) cần chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Thửa đất số 88 có trị giá theo định giá là 430.000đ/m<sup>2</sup> đất ở; 60.000đ/m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm.

[2.2]. Diện và hàng thừa kế: Cụ H và cụ X có 06 người con gồm: Tô Văn D; Tô Văn H; Tô Văn H, sinh năm 1964 (hy sinh năm 1984 chưa có vợ, con), Tô Văn T; Tô Thị T1; Tô Thị T2. Ngoài 06 người con trên thì các cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Bố mẹ cụ H đều đã chết nên cụ X, ông D, ông Tn, ông H, bà T1, bà T2 là hàng thừa kế thứ nhất của cụ H.

[2.3]. Cụ H chết không để lại di chúc, cụ X từ chối nhận phần di sản của cụ H nên tài sản thừa kế của cụ H cần chia đều cho hàng thừa kế của cụ H gồm ông D, ông T, ông H, bà T1, bà 2 theo đề nghị chia về diện tích, vị trí theo sơ đồ đo đạc hiện trạng kèm theo bản án mà bà T1 đại diện cho cụ X trình bày là phù hợp. Theo đó mỗi thừa kế sẽ được hưởng 228,58m<sup>2</sup> (trong đó có 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm).

[2.4]. Do nguyên đơn chỉ đề nghị chia đôi với thửa đất số 88, không đề nghị chia các tài sản khác, nên trong vụ án này chỉ xem xét giải quyết về chia tài sản chung và tài sản thừa kế đôi với thửa đất số 88, còn các tài sản khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ X, ông D, ông H là người cao tuổi có đề nghị miễn án phí nên cần miễn án phí cho các đương sự. Đối với các đương sự khác phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đề nghị chịu toàn bộ không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xác nhận tài sản chung của cụ Tô Văn H và cụ Trần Thị X là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 09 có diện tích đo đạc thực tế là 2.285,8m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 1.985,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) địa chỉ thửa đất ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Trần Thị X về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật thửa đất số 88, tờ bản đồ số 09 có diện tích đo đạc thực tế là 2.285,8m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ở và 1.985,8m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm); địa chỉ thửa đất ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể:

2.1. Chia tài sản chung cho cụ Trần X 1.142,9m<sup>2</sup> ( trong đó 150m<sup>2</sup> đất ở và 992,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S1 được xác định bởi các mốc giới: 3A,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,22A,3F,3E,3D,3C,3B,3A

2.2. Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho bà Tô Thị T1 diện tích 228,58m<sup>2</sup> (trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S2. Được xác định bởi các mốc giới: 22A,3F,3E,23,22B,22A.

2.3. Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho bà Tô Thị T2 diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S3. Được xác định bởi các mốc giới: 23,3E,3D,23A,23.

2.4. Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn H diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S4. Được xác định bởi các mốc giới: 23A,3D,3C,24A,24,23A.

2.5. Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn T diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S5. Được xác định bởi các mốc giới: 24A,3C,3B,25A,25,24A.



2.6. Chia tài sản thừa kế của cụ Tô Văn H cho ông Tô Văn D diện tích 228,58m<sup>2</sup> ( trong đó 30m<sup>2</sup> đất ở, 198,58m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) là diện tích đất S6. Được xác định bởi các mốc giới: 25A,3B,3A,3,2,1,25A.

Người được chia đất được tiếp tục sử dụng tài sản và cây cối lâm lộc trên đất được chia. Trong trường hợp trên các diện tích đất S2, S3, S4,S5,S6 có tài sản nhưng sau khi chia tài sản trên đất không đảm bảo giá trị sử dụng, khi người được chia đất là bà T1, bà T2, ông H, ông T, ông D có yêu cầu thì cụ Trần Thị X có trách nhiệm tháo dỡ tài sản trên diện tích đất S2, S3, S4,S5,S6.

Các diện tích đất được chia là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất ở TDP ĐB, thị trấn KL, huyện D, tỉnh Vĩnh Phúc.

Các đương sự được liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng kí để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng thửa đất.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn án phí cho cụ Trần Thị X, ông Tô Văn H, ông Tô Văn Dg.

3.2. Ông Tô Văn T, bà Tô Thị T2, bà Tô Thị T1 mỗi người phải chịu 1.240.000đ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Dương;
- Cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Thị Bích Ngọc**